

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
HÀ NỘI - QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1/2025



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				31/03/2025	01/01/2025
A TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		56.372.284.325	56.372.284.325
I Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1.	3.450.435	3.450.435
1 Tiền		111		3.450.435	3.450.435
2 Các khoản tương đương tiền		112			
II Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn		130		54.632.508.030	54.632.508.030
1 Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.2.	54.375.695.514	54.375.695.514
2 Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	V.3.		
3 Phải thu ngắn hạn khác		136	V.4.	256.812.516	256.812.516
IV Hàng tồn kho		140		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác		150		1.736.325.860	1.736.325.860
1 Thuế GTGT được khấu trừ		152		1.730.801.480	1.730.801.480
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	V.8.	5.524.380	5.524.380
B TÀI SẢN DÀI HẠN		200		316.156.184.700	316.156.184.700
I Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
II Tài sản cố định		220		-	-
1 Tài sản cố định vô hình		227	V.6.	-	-
- Nguyên giá		228		56.500.000	56.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế		229		(56.500.000)	(56.500.000)
III Bất động sản đầu tư		230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn		240	V.5.	316.156.184.700	316.156.184.700
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242		316.156.184.700	316.156.184.700
V Đầu tư tài chính dài hạn		250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác		260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		372.528.469.025	372.528.469.025

(Các thuyết minh từ trang 5 đến trang 14 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2025		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01					
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		-	-	-	-
4. Giá vốn hàng bán	11					
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	-	-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1.		3.435		3.435
7. Chi phí tài chính	22					
Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3.	142.012.845	176.010.476	142.012.845	176.010.476
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(142.012.845)	(176.007.041)	(142.012.845)	(176.007.041)
11. Thu nhập khác	31	VI.2.				
12. Chi phí khác	32					
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		-	-	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(142.012.845)	(176.007.041)	(142.012.845)	(176.007.041)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5.				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(142.012.845)	(176.007.041)	(142.012.845)	(176.007.041)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6.				

Quảng Bình, ngày 16 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNH

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Đinh Thị Hạnh

Đinh Thị Hạnh

Tư Công Hùng

(Các thuyết minh từ trang 5 đến trang 14 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02			
3. Tiền chi trả cho người lao động	03			(176.540.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07			(237.109.035)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		0	(413.649.035)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(22.011.423.130)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			75.526
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0	(22.011.347.604)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			22.410.762.881
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	22.410.762.881
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		0	(14.233.758)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.450.435	17.684.193
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70 V.1		3.450.435	3.450.435

Quảng Bình, ngày 16 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNH

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Đinh Thị Hạnh

Đinh Thị Hạnh

Từ Công Hùng

(Các thuyết minh từ trang 5 đến trang 14 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Hà Nội - Quảng Bình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101020791 đăng ký lần đầu ngày 22/09/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

Theo và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 22/09/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp thì vốn điều lệ của Công ty là: **239.000.000.000 đồng** (Hai trăm ba chín tỷ đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động chiếu phim; Cho thuê xe có động cơ, chi tiết: cho thuê xe ô tô; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu./.

Trụ sở công ty tại: Số 47 Nguyễn Hữu Cánh, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Công ty được thành lập và bắt đầu đi vào hoạt động từ ngày 22/09/2016, hiện đang thực hiện xây dựng cơ bản nên chưa phát sinh doanh thu.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trên Bảng cân đối kế toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh. Các thông tin, dữ liệu, số liệu ứng trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu không mang tính so sánh do sự khác biệt về kỳ kế toán.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Công ty cho Công ty Cổ phần Việt Group vay, toàn bộ các khoản cho Công ty Cổ phần Việt Group vay đều được đảm bảo bằng giá trị cổ phần tại Công ty.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty không có các khoản nợ phải thu khó đòi, quá hạn cần xem xét trích lập dự phòng

4. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí của Dự án Khách sạn Pullman được ghi nhận dựa trên hóa đơn, chứng từ chi phí liên quan trực tiếp tới quá trình triển khai, thi công công trình.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng và thu nhập khác

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là khoản tiền thu tiền bán hồ sơ thầu, được ghi nhận dựa trên các phiếu thu và các chứng từ kế toán khác có liên quan.

9. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**9.1 Các nghĩa vụ về thuế**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành, với mức thuế suất thuế GTGT là 10% áp dụng đối với hoạt động kinh doanh thông thường.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền		
Tiền mặt	697.811	697.811
Tiền gửi ngân hàng	2.752.624	2.752.624
Cộng	3.450.435	3.450.435

2. Trả trước cho người bán

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Kiến trúc B+H Việt Nam	976.163.905	976.163.905
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	778.300.000	778.300.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư VBS Group	2.081.983.131	2.081.983.131
Công ty Cổ Phần Xây lắp SONACONS	11.157.082.323	11.157.082.323
Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn xây dựng	452.500.000	452.500.000
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Trường Sơn	36.813.163.581	36.813.163.581
Các đối tượng khác	2.116.502.574	2.116.502.574
Cộng	54.375.695.514	54.375.695.514

4. Phải thu khác

31/03/2025		01/01/2025	
VND		VND	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng

a) Ngắn hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tạm ứng	174.322.785	-	174.322.785	-
Đinh Thị Hạnh	14.333.500	-	14.333.500	-
Từ Công Hùng	29.713.735	-	29.713.735	-
Võ Quang Thắng	130.275.550	-	130.275.550	-
Phải thu khác	82.489.731	-	82.489.731	-
Công ty Cổ phần	82.489.731	-	82.489.731	-
Tập đoàn Đầu tư				
Trường Sơn				
Các đối tượng khác				
Dư nợ TK 334		-		-
Cộng	256.812.516	-	256.812.516	-

b) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2**5. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án khách sạn 5 sao Pullman Quảng Bình (*)	316.156.184.700	316.156.184.700
Cộng	316.156.184.700	316.156.184.700

(*) Dự án khách sạn 5 sao Pullman Quảng Bình được phê duyệt theo Quyết định số 84/QĐ-HDQT ngày 18/09/2017 của Tổng Công ty du lịch Hà Nội với mức tổng vốn đầu tư là 1.100.000.000 đồng (Một nghìn một trăm tỷ đồng).

6. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm vi tính	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2022	56.500.000	56.500.000
Số dư ngày 31/03/2022	56.500.000	56.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2022	56.500.000	56.500.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư ngày 31/03/2022	56.500.000	56.500.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Tại ngày 31/03/2022	-	-

7. Phải trả người bán

31/03/2025		01/01/2025	
VND		VND	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ

Ngắn hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty CP Tư vấn quản lý xây dựng quốc tế	1.321.031.748	1.321.031.748	1.321.031.748	1.321.031.748
Công ty Cổ phần Đầu Tư VBS Group			-	-
Các đối tượng khác	82.338.436	82.338.436	82.338.436	82.338.436
Cộng	1.403.370.184	1.403.370.184	1.403.370.184	1.403.370.184

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/03/2025
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Thuế thu nhập cá nhân				-
Các loại thuế khác	5.291.521.698			5.291.521.698
Cộng	5.291.521.698	-	-	5.291.521.698
b) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	5.099.250			5.099.250
Các loại thuế khác	425.130			425.130
Cộng	5.524.380	-	-	5.524.380

9. Phải trả khác

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	7.823.448	7.823.448
Bảo hiểm xã hội	192.249.981	154.847.421
Dư có TK 138	98.260.000	98.260.000
Cộng	298.333.429	260.930.869

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 47 Nguyễn Hữu Cảnh, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1.2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Vay và nợ thuê tài chính

	31/03/2025 VND		Trong năm VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	8.050.760.000	8.050.760.000	-	-	8.050.760.000	8.050.760.000
Công ty Cổ phần Việt Group (1)	8.050.760.000	8.050.760.000	-	-	8.050.760.000	8.050.760.000
	-	-	-	-	-	-
Vay cá nhân	-	-	-	-	-	-
b) Dài hạn	129.237.176.945	129.237.176.945	-	-	129.237.176.945	129.237.176.945
Vietinbank TP. Hồ Chí Minh	129.237.176.945	129.237.176.945	-	-	129.237.176.945	129.237.176.945
	-	-	-	-	-	-
Cộng	137.287.936.945	137.287.936.945	-	-	137.287.936.945	137.287.936.945

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Vốn chủ sở hữu*a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa nhân nhồi	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	239.000.000.000	(7.186.105.131)	231.813.894.869
Tăng vốn trong kỳ trước		-	-
Lãi trong kỳ trước	-	(4.203.760.120)	(4.203.760.120)
Số dư tại ngày 31/12/2022	239.000.000.000	(11.389.865.251)	227.610.134.749
Tăng vốn trong năm nay		-	-
Lãi trong năm nay	-	(142.012.845)	(142.012.845)
Số dư tại ngày 31/03/2023	239.000.000.000	(11.531.878.096)	227.468.121.904

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Nguyễn Đức Thanh	52.580.000.000	52.580.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Du lịch Hà Nội	121.890.000.000	121.890.000.000
Công ty Cổ phần Việt Group	64.530.000.000	64.530.000.000
Cộng	239.000.000.000	239.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	239.000.000.000	239.000.000.000
Vốn góp đầu năm	239.000.000.000	239.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	239.000.000.000	239.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/03/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.900.000	23.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.900.000	23.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.900.000	23.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.900.000	23.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.900.000	23.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		(3.435)
Cộng	-	(3.435)

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	142.012.845	157.188.845
Chi phí khấu hao Tài sản cố định		
Thuế, phí và lệ phí		18.195.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài		626.002
Chi phí bằng tiền khác		
Cộng	142.012.845	176.010.476

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	23.900.000	23.900.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0,00	0,00

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ quý 1 năm 2024.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

3. Thông tin so sánh

Quảng Bình, ngày 16 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNH

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Người lập biểu



Đinh Thị Hạnh



Đinh Thị Hạnh



Từ Công Hùng